

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 24 – 01 – 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Tự.
2. Ông Nguyễn Thành Quyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Công Trận là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phan Tấn Xuân Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2021/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2021 và Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử số 06/TB-TA ngày 05/01/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tố Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thị có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống thì vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian, từ năm 2014 đến nay thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh T đã nhiều lần tìm cách hàn

gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2014 đến nay. Chị Q nhận thấy không còn tình cảm với anh T nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Anh K (giới tính: Nam), sinh ngày 19/4/2008 và Nguyễn Thị Như I, (giới tính: Nữ), sinh ngày 09/8/2011. Hiện cháu I đang sống với chị Q, cháu K đang sống với anh T. Chị Q yêu cầu được nuôi cháu I, chị đồng ý giao cháu K cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* bị đơn anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt nên chưa thể hiện ý kiến.

*Tại phiên tòa,* chị Q giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Như I, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Q được ly hôn với anh T. Về con chung: giao cháu Như I cho chị Q nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom con chung cho chị Q và anh T. Về án phí chị Q phải chịu theo quy định pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Tố Qn và anh Nguyễn Văn T tiến đến hôn nhân vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Q và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Q yêu cầu ly hôn, anh T chưa thể hiện ý kiến. Toà xét thấy: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, khi có mâu thuẫn anh chị không giải quyết được dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Thực tế, anh chị không còn chung sống với nhau một thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và anh chị cũng không có biện pháp nào hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T bỏ mặc không đến Tòa, điều đó chứng tỏ tình cảm của anh T đối với chị Q cũng không còn, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Toà chấp nhận yêu cầu của chị Q, cho chị Q được ly hôn với anh T.

[5] *Về con chung*: Chị Q và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Anh K (giới tính: Nam), sinh ngày 19/4/2008 và Nguyễn Thị Như I, (giới tính: Nữ), sinh ngày 09/8/2011. Chị Q yêu cầu được nuôi con chung là cháu Như I, chị đồng ý giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng, anh T chưa thể hiện ý kiến. Tòa xét thấy: cháu I hiện do chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, cháu K hiện do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu I, cháu K đã trên 07 tuổi, cháu I có nguyện vọng được sống với chị Q, cháu K có nguyện vọng được sống với anh T nên cha mẹ cháu ly hôn. Xét yêu cầu của chị Q là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, đồng thời để tránh xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu I cho chị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng*: theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Tuy nhiên, do không có yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí*: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ. Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tố Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Như I, (giới tính: Nữ), sinh ngày 09/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Tố Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Anh K (giới tính: Nam), sinh ngày 19/4/2008 cho anh Nguyễn Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Tố Q, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị Tố Q chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp theo biên lai thu số 0009082 ngày 14/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T, huyện P, HG.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Em**